Signature Not Verified
Được ký bởi NGUYỄN MẠNH CƯỜNG
Ngày ký: 14.08.2015 17:12

VIETANH
Maximizing Potential

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN QUANG ANH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

Văn phòng Hà Nội
Tầng 9, Tòa nhà AC, Ngõ 78, Phố Duy Tân
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (84-4) 3 795 8705 Fax: (84-4) 3 795 8677

Văn phòng Hải Phòng
Tầng 7, Tòa nhà Hải Quân
Số 5, Đường Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Tel: (84-31) 3 842 430 Fax: (84-31) 3 842 433

www.vaaco.com.vn

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Quang Anh (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vương Văn Ba	Chủ tịch
Ông Đỗ Danh Long	Thành viên
Ông Ngô Tiến Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên
Ông Trần Văn Kính	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Mạnh Cường	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03/7/2015
Ông Nguyễn Đức Phương	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 03/7/2015

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

M.S.D.N: 0101971512 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN QUANG ANH
Q. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Mạnh Cường
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Tôi, Vương Văn Ba - Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị,

M.S.D.N: 0101971512 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN QUANG ANH
Q. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

CHỦ TỊCH HĐQT
Vương Văn Ba

Vương Văn Ba
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Số: 135 /2015/BCTC-VAHP

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Khoáng sản Quang Anh

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Quang Anh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12/8/2015, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Số dư khoản mục Hàng tồn kho tại thời điểm 30/6/2015 có phản ánh chi phí sản xuất kinh doanh dở dang từ các năm trước chuyển sang là 7.919.509.442 VND. Theo chuẩn mực kế toán số 02 - Hàng tồn kho thì trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2015, khoản mục hàng tồn kho và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ giảm đi là 7.919.509.442 VND và trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, khoản mục chi phí khác và lợi nhuận kế toán trước thuế cũng bị ảnh hưởng tương ứng.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoài sự kiện nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Đối với báo cáo tài chính giữa niên độ, trong báo cáo soát xét lập ngày 18/8/2014, kiểm toán viên này đưa ra ý kiến ngoại trừ về việc Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư. Đối với báo cáo tài chính năm, trong báo cáo kiểm toán lập ngày 26/5/2015, kiểm toán viên này đưa ra ý kiến ngoại trừ về việc chưa thu thập được thông báo chia lợi nhuận của các đơn vị đã được Công ty đầu tư. Các vấn đề này không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015.

M.S.C.N: 0200511555-001 - C.T.T.N.H.H. - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VIỆT ANH CHI NHÁNH HẢI PHÒNG - Q. HỒNG BÀNG - TP. HẢI PHÒNG

Nguyễn Thị Hoa
Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0804-2013-055-1

Tạ Thị Việt Phương
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1445-2013-055-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu số B 01a - DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	**100**		**90.218.512.578**	**63.773.096.102**
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**7.526.122.760**	**947.269.417**
1. Tiền	111	05	7.526.122.760	947.269.417
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**52.532.458.203**	**34.698.343.145**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	07	30.988.811.886	34.354.806.179
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		343.646.317	343.536.966
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	09	21.200.000.000	-
IV- Hàng tồn kho	**140**		**30.159.931.615**	**28.083.611.040**
1. Hàng tồn kho	141	08	30.159.931.615	28.083.611.040
V- Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**-**	**43.872.500**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	43.872.500
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250)	**200**		**107.757.407.396**	**129.204.854.074**
I- Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**100.256.160.000**	**100.056.160.000**
6. Phải thu dài hạn khác	216	09	100.256.160.000	100.056.160.000
II- Tài sản cố định	**220**		**7.501.247.396**	**8.948.694.074**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	7.501.247.396	8.948.694.074
- Nguyên giá	*222*		*18.824.126.776*	*18.824.126.776*
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	*223*		*(11.322.879.380)*	*(9.875.432.702)*
V- Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**-**	**20.200.000.000**
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	06	-	20.200.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**197.975.919.974**	**192.977.950.176**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
(Dạng đầy đủ)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu số B 01a - DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	**300**		**36.382.391.610**	**35.080.739.120**
I- Nợ ngắn hạn	**310**		**36.382.391.610**	**35.080.739.120**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	26.314.030.558	28.390.432.614
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	4.188.334.234	1.629.979.204
4. Phải trả người lao động	314		76.690.000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	1.238.011.769	882.569.096
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	54.000.000	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	4.095.050.000	4.097.250.000
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		416.275.049	80.508.206
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	**400**		**161.593.528.364**	**157.897.211.056**
I- Vốn chủ sở hữu	**410**		**161.593.528.364**	**157.897.211.056**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	16	150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*150.000.000.000*	*150.000.000.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	16	(66.000.000)	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	16	1.248.825.147	241.524.618
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	16	10.410.703.217	7.655.686.438
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*6.312.619.066*	*1.137.708.607*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*4.098.084.151*	*6.517.977.831*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**197.975.919.974**	**192.977.950.176**

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Bảo Trung	Nguyễn Nghĩa Trung	Nguyễn Mạnh Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

Mẫu số B 02a - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	
			Năm 2015	Năm 2014
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**17**	**64.801.050.345**	**56.991.039.027**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	395.272.727	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**	**17**	**64.405.777.618**	**56.991.039.027**
4. Giá vốn hàng bán	11	18	58.116.644.307	53.118.353.956
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**6.289.133.311**	**3.872.685.071**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.200.231.093	175.867
7. Chi phí tài chính	22	20	265.442.673	75.112.012
- Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		*265.442.673*	*75.112.012*
8. Chi phí bán hàng	24	21	1.003.291.539	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	966.676.152	315.483.046
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	**30**		**5.253.954.040**	**3.482.265.880**
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**5.253.954.040**	**3.482.265.880**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	1.155.869.889	696.453.177
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**4.098.084.151**	**2.785.812.703**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**24**	**273**	**929**

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Bảo Trung	Nguyễn Nghĩa Trung	Nguyễn Mạnh Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

Mẫu số B 03a - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	
			Năm 2015	Năm 2014
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		72.473.300.245	3.107.750.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(65.444.947.395)	(185.565.920)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(297.530.600)	(133.387.306)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	(75.112.012)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	12	(143.390.000)	(20.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		157.327	935.810.905
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6.610.000)	(2.918.941.862)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***6.580.979.577***	***710.553.805***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(20.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19	73.766	100.311
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***73.766***	***(19.999.899.689)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	20.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	15	(2.200.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(2.200.000)***	***20.000.000.000***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**6.578.853.343**	**710.654.116**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**05**	**947.269.417**	**199.724.044**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	37.778
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**	**05**	**7.526.122.760**	**910.415.938**

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/6/2015.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Bảo Trung	Nguyễn Nghĩa Trung	Nguyễn Mạnh Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC **MẪU SỐ B 09a - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Quang Anh (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Khoáng sản Quang Anh, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102026705 do phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 09/6/2006) (gọi tắt là "Công ty"), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103034314 lần đầu ngày 05/01/2009, thay đổi lần thứ hai số 0101971512 ngày 17/6/2014, thay đổi lần ba ngày 10/10/2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Theo đó:

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN QUANG ANH

Tên tiếng Anh: QUANG ANH MINERAL JOINT STOCK COMPANY

Vốn điều lệ 150.000.000.000 VND

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND

Ngành nghề kinh doanh

- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất pin và ắc quy;
- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy);
- Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu;
- Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác;
- Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động;

- Sản xuất lò nướng, lò luyện, lò nung;
- Sản xuất các thiết bị nâng hạ và bốc xếp;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc nén khí;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn nông lâm nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Mua bán hóa chất cơ bản (Trừ hóa chất Nhà nước cấm); mua bán máy khí công nghiệp; buôn bán sản phẩm dệt may, vải sợi các loại; bán buôn, bán lẻ vật tư tiêu hao ngành y tế;
- Bán buôn tổng hợp;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Quảng cáo;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;

- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác dầu thô;
- Khai thác khí đốt tự nhiên;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, bán buôn đồ ngũ kim, bán buôn vật liệu , thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác: Bán buôn thiết bị nhiệt, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị cấp nước, thiết bị phụ tùng ô tô, xe máy, máy dân dụng và máy móc các loại, thiết bị văn phòng, đồ mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ, trang thiết bị y tế, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); cung cấp thiết bị dạy học, thiết bị dạy nghề và thiết bị nghiên cứu dạy học; bán buôn thiết bị, máy móc công nghiệp, điện tử viễn thông, vi tính - tin học; mua bán thiết bị trường học; mua bán các trang thiết bị phòng thí nghiệm, hóa học, sinh học, vật lý; mua bán thang máy; mua bán hệ thống tủ điện công nghiệp, dân dụng; mua bán hệ thống âm thanh ánh sáng, truyền hình, tổng đài; mua bán hệ thống điều hòa thông gió; mua bán hệ thống bếp, giặt là công nghiệp; mua bán hệ thống Sauna, Steam; mua bán hệ thống khí y tế, khí công nghiệp; bán buôn máy móc thiết bị y tế;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Khai khác gỗ;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống;
- Dịch vụ lưu trú ngắn hạn;
- Tái chế phế liệu.

Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Khoáng sản Quang Anh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện số 0101971512-001 ngày 09/4/2012. Địa chỉ: Số A37, Nơ 3, khu đô thị mới Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 9, tòa nhà MIPEC, số 229 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12. Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 là một giai đoạn hoạt động của kỳ kế toán năm 2015.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán giữa niên độ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

Trong kỳ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính. Số dư khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại 30/6/2015 nhỏ nên Công ty không đánh giá chênh lệch tỷ giá và không theo dõi tại tài khoản ngoài bảng.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại liên quan đến thu thanh lý khoản đầu tư của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là toàn bộ chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ để sản xuất sản phẩm chưa hoàn thành và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các năm trước được xác định theo ước tính của Công ty.

4.5 Các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Khoản đầu tư hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) bao gồm khoản góp bằng tiền vào Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Việt Phát, Công ty TNHH Phát triển giáo dục Nam Hà Nội, Công ty Cổ phần Vật liệu Công nghệ mới Bắc Cạn với giá trị lần lượt là 40.000.000.000 VND, 60.000.000.000 VND và 200.000.000 VND theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) chia lợi nhuận sau thuế. Cụ thể như sau:

Khoản đầu tư hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) vào Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Việt Phát theo hợp đồng góp vốn số 03/2014/HĐGV-KSQ.VP ngày 22/8/2014 về việc đầu tư nhà máy sản xuất cửa nhựa lõi thép. Theo thông báo số VP-CV01/2015 ngày 15/7/2015 về tình hình thực hiện dự án đầu tư của Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Việt Phát, dự án vẫn đang trong quá trình thực hiện đầu tư theo tiến độ và dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 2017.

Khoản đầu tư hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) với Công ty TNHH Phát triển giáo dục Nam Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2014/HĐHTĐT-KSQ.NHN ngày 04/8/2014 về việc hợp tác đầu tư xây dựng trường mầm non tại Hà Nội. Theo thông báo số GDNHN-CV01/2015 ngày 15/7/2015 về tình hình thực hiện dự án đầu tư của Công ty TNHH Phát triển giáo dục Nam Hà Nội, dự án vẫn đang trong quá trình thực hiện đầu tư theo tiến độ và dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 2018.

Khoản đầu tư hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) với Công ty Cổ phần Vật liệu Công nghệ mới Bắc Cạn từ năm 2012. Theo biên bản xác nhận số 01-2012/BBXN-EIBK ngày 24/8/2012 giữa Công ty với Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn về việc chuyển tiền hợp tác kinh doanh, phục vụ hoạt động thăm dò mỏ quặng đồng tại Xã Liêm Thủy, Huyện Na Rì, Tỉnh Bắc Kan giai đoạn II, số tiền 200.000.000 đồng, tương đương với 01% tổng vốn đầu tư của dự án tính đến ngày 24/8/2012. Công ty Cổ phần Khoáng sản Quang Anh sẽ được hưởng phần lợi nhuận tương đương với tỷ lệ đóng góp từ lợi nhuận khai thác, sản xuất hoặc chuyển nhượng dự án của Công ty Cổ phần Vật liệu Công nghệ mới Bắc Cạn (nếu có).

Tại thời điểm 30/6/2015, công ty chưa nhận được khoãn phân chia lãi lỗ nào từ các hợp đồng nói trên do các dự án chưa đi vào sản xuất kinh doanh.

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp tình hình thực tế của Công ty. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	07
Máy móc thiết bị	03 - 08

4.7 Các khoản phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

4.8 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay ngắn hạn. Các khoản đi vay này được theo dõi chi tiết: theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn, các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi vay và các khoản chi phí khác thực tế phát sinh nhưng đến 30/6/2015 chưa thanh toán hoặc chưa có đầy đủ hóa đơn, chứng từ.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm bao gồm vốn góp cổ đông trong và ngoài Công ty, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần là các khoản chi phí liên quan đến tư vấn phát hành tăng vốn với số tiền là 66.000.000 VND.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 28/5/2015.

4.12 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận ngay khi bàn giao hàng hóa có xác nhận của người mua và hóa đơn phát hành.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: tiền lãi, chênh lệch tỷ giá, lãi bán khoản đầu tư:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ.

- Lãi bán khoản đầu tư là khoản chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Tập Trung và Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái.

4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là khoản giảm giá hàng bán. Giảm giá hàng bán phản ánh khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế và các khoản giảm trừ này chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của hàng hóa bán trong kỳ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số tiền vay và lãi suất vay từng kỳ thực tế.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là vận chuyển, thuê kho bãi và chi phí khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh trong kỳ kế toán.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí lương bộ phận quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh trong kỳ kế toán.

4.17 Thuế

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh.

Thu nhập chịu thuế khác có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các

khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác, vay và nợ tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc.

Thông tin với bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 26.

5. TIỀN

	30/6/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt	5.207.230.061	923.917.977
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.318.892.699	23.351.440
Cộng	**7.526.122.760**	**947.269.417**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

MẪU SỐ B 09a - DN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2015 VND			01/01/2015 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	20.200.000.000	20.200.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Tập Trung	-	-	-	*4.000.000.000*	*4.000.000.000*	-
Công ty CP Nam Hà Việt Thái	-	-	-	*16.000.000.000*	*16.000.000.000*	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Công nghệ mới Bắc Cạn				*200.000.000*	*200.000.000*	

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 30/6/2015 như sau:

	30/6/2015		01/01/2015	
	Số lượng	Số tiền (VND)	Số lượng	Số tiền (VND)
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Tập Trung	-	-	-	4.000.000.000
Công ty CP Nam Hà Việt Thái	-	-	1.600.000	16.000.000.000
Công ty Cổ phần Vật liệu Công nghệ mới Bắc Cạn	-	-	-	200.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09a - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/6/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn		
Công ty CP Thương mại vận tải Du lịch Thiên Ân	2.896.013.784	6.297.252.800
Công ty CP Thương mại và Vật liệu xây dựng Hoàng Gia	-	4.279.554.000
Công ty CP Thương mại và Xây dựng Trần Nguyên	2.902.413.799	-
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	8.457.356.800	-
Công ty CP Đầu tư Thiết bị Công nghiệp Hữu Nghị	-	3.105.435.250
Công ty CP Cầu 14	1.169.468.580	-
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Kim Diệp	5.419.248.403	5.166.063.000
Công ty CP Thương mại Mại Trường Lưu Thủy	10.033.627.600	11.193.604.000
Công ty CP Thương mại và Xuất nhập khẩu Châu Dương	-	170.015.999
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Bắc Đô	110.682.920	-
Công ty TNHH Chế tạo máy Việt Nam	-	675.483.130
Công ty TNHH Phúc An Hưng	-	2.238.270.000
Công ty TNHH RCE Việt Nam	-	1.229.128.000
Cộng	**30.988.811.886**	**34.354.806.179**

8. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2015 VND		01/01/2015 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	10.211.981.110	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang(*)	29.884.425.708	-	7.919.509.442	-
Hàng hóa	275.505.907	-	9.952.120.488	-
Cộng	**30.159.931.615**	**-**	**28.083.611.040**	**-**

(*) Số dư tại 30/6/2015 bao gồm lô đồng nguyên liệu giá trị 10.211.981.110 VND, lô đồng hàng hóa với giá trị 9.952.120.488 VND, các chi phí khác (chi phí khấu hao, chi phí nhân công...) là 1.800.814.668 VND được Công ty đưa vào để sản xuất ra sản phẩm đồng có phẩm cấp cao hơn và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các năm trước là 7.919.509.442 VND.

9. PHẢI THU KHÁC

	30/6/2015 VND		01/01/2015 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	**21.200.000.000**	-	-	-
Phải thu khác (Bà Trần Thị Chinh)	21.200.000.000	-	-	-
Dài hạn	**100.256.160.000**	-	**100.056.160.000**	-
Ký cược, ký quỹ	56.160.000		56.160.000	-
Phải thu khác theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) với:				
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Việt Phát	*40.000.000.000*	-	*40.000.000.000*	-
Công ty TNHH Phát triển giáo dục Nam Hà Nội	*60.000.000.000*	-	*60.000.000.000*	-
Công ty CP Vật liệu Công nghệ mới Bắc Cạn	*200.000.000*	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09a - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	**10.411.941.972**	**8.412.184.804**	**18.824.126.776**
Tại ngày 30/6/2015	**10.411.941.972**	**8.412.184.804**	**18.824.126.776**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	**5.662.044.138**	**4.213.388.564**	**9.875.432.702**
Khấu hao trong năm	743.710.141	703.736.537	1.447.446.678
Tại ngày 30/6/2015	**6.405.754.279**	**4.917.125.101**	**11.322.879.380**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	**4.749.897.834**	**4.198.796.240**	**8.948.694.074**
Tại ngày 30/6/2015	**4.006.187.693**	**3.495.059.703**	**7.501.247.396**

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn		
Chi nhánh Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Việt Phát tại Hải Dương	-	61.714.400
Công ty CP Thương mại Vận tải Du lịch Thiên Ân	-	7.354.558.700
Công ty CP Dịch vụ và Định hướng Phát triển SPA PRO	1.411.174.241	-
Công ty CP Thương mại và Xây dựng Trần Nguyên	5.100.508.054	4.305.059.000
Công ty CP Công nghiệp Quốc tế Bích San	-	75.675.600
Công ty CP Thương mại Trường Lưu Thủy	-	1.553.093.600
Công ty CP Thương mại và Xuất nhập khẩu Châu Dương	-	4.019.416.500
Công ty CP Đầu tư Khoáng sản Đại Dương	4.329.468	-
Công ty TNHH Công nghệ và Vận tải Thái Tùng	-	243.843.600
Công ty TNHH Hoàng Phương	166.160.000	-
Công ty TNHH Khoáng sản Lai Châu	2.611.833.698	2.611.833.698
Công ty TNHH Lâm Nam	-	7.953.218.016
Công ty TNHH Ngọc Sáng	1.900.000.000	-
Công ty TNHH RCE Việt Nam	15.103.525.097	96.519.500
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	-	99.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển doanh nghiệp DTH Việt Nam	16.500.000	16.500.000
Cộng	**26.314.030.558**	**28.390.432.614**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09a - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015 VND	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	30/6/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	281.258.453	1.552.485.141	-	1.833.743.594
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.259.020.751	1.155.869.889	143.390.000	2.271.500.640
Các loại thuế khác	89.700.000	-	6.610.000	83.090.000
Cộng	**1.629.979.204**	**2.708.355.030**	**150.000.000**	**4.188.334.234**

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn		
Các khoản khác. Chi tiết:	1.238.011.769	882.569.096
Lãi vay phải trả	*1.078.011.769*	*812.569.096*
Phải trả khác	*160.000.000*	*70.000.000*
Cộng	**1.238.011.769**	**882.569.096**

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn		
Phải trả khác (thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát)	54.000.000	-
Cộng	**54.000.000**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

MẪU SỐ B 09a - DN

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/6/2015 VND	01/01/2015 VND
Các khoản vay	4.095.050.000	4.097.250.000
Cộng	**4.095.050.000**	**4.097.250.000**

	01/01/2015 VND		Tăng/Giảm năm VND		30/6/2015 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	**4.097.250.000**	**4.097.250.000**	**-**	**2.200.000**	**4.095.050.000**	**4.095.050.000**
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn - CN Hoàng Mai [1]	2.605.000.000	2.605.000.000	-	2.200.000	2.602.800.000	2.602.800.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình [2]	1.492.250.000	1.492.250.000		-	1.492.250.000	1.492.250.000
b. Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	**4.097.250.000**	**4.097.250.000**	**-**	**2.200.000**	**4.095.050.000**	**4.095.050.000**

[1] Hợp đồng tín dụng số 1240LAV201300051 ngày 08/3/2013 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai và Công ty Cổ phần Khoáng sản Quang Anh. Lịch trả nợ gốc và lãi là trả nợ gốc một lần khi đến hạn: số tiền 3.000.000.000 VND, ngày trả nợ cuối cùng là 31/07/2013.

[2] Hợp đồng tín dụng hạn mức số 317,13,833,938942.HMTD ngày 07/6/2013 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Mỹ Đình và Công ty Cổ phần Khoáng sản Quang Anh. Ngày đáo hạn cuối cùng của một khoản tín dụng thuộc hạn mức tín dụng là ngày sau tối đa không quá 06 tháng/01 khế ước kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản tín dụng đó.

Hai khoản vay trên đã quá hạn thanh toán và Công ty đang làm việc với Ngân hàng để gia hạn thanh toán nợ gốc và lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09a - DN**
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu kỳ	150.000.000.000	-	241.524.618	7.655.686.438
Tăng trong kỳ	-	(66.000.000)	1.007.300.529	4.098.084.151
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.343.067.372
Số dư cuối kỳ	**150.000.000.000**	**(66.000.000)**	**1.248.825.147**	**10.410.703.217**

CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	30/6/2015		01/01/2015	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Vốn góp của cổ đông khác	150.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000
Cộng	**150.000.000.000**	**150.000.000.000**	**150.000.000.000**	**150.000.000.000**

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	150.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	150.000.000.000	30.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CỔ PHIẾU

	30/6/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*15.000.000*	*15.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*15.000.000*	*15.000.000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09a - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đầu kỳ	**7.655.686.438**
Tăng trong kỳ	**4.098.084.151**
Lợi nhuận trong kỳ	4.098.084.151
Giảm trong kỳ	**1.343.067.372**
Trích quỹ đầu tư phát triển	1.007.300.529
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	335.766.843
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	**10.410.703.217**

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**64.801.050.345**	**56.991.039.027**
Doanh thu bán hàng hóa	64.801.050.345	56.991.039.027
Các khoản giảm trừ	**395.272.727**	-
Giảm giá hàng bán	395.272.727	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**64.405.777.618**	**56.991.039.027**

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	58.116.644.307	53.118.353.956
Cộng	**58.116.644.307**	**53.118.353.956**

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	73.766	175.867
Lãi bán các khoản đầu tư	1.200.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	157.327	-
Cộng	**1.200.231.093**	**175.867**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09a - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền vay	265.442.673	75.112.012
Cộng	**265.442.673**	**75.112.012**

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí bán hàng	**1.003.291.539**
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.003.291.539
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**966.676.152**
Chi phí nhân công	320.134.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	215.927.274
Chi phí khác	430.614.278

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.164.101.606
Chi phí nhân công	428.220.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.447.446.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.219.218.813
Chi phí khác	675.896.260
Cộng	**23.934.883.957**

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	5.253.954.040	3.482.265.880
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	**5.253.954.040**	**3.482.265.880**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (5)	22%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (6)=(5)*(4)	**1.155.869.889**	**696.453.177**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09a - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.098.084.151	2.785.812.703
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (1)	**4.098.084.151**	**2.785.812.703**
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (2)	15.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (3)=(1)/(2)	**273**	**929**

25. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo Quyết định số 0371/2015/QĐBN-HĐQT ngày 03/7/2015 của Hội đồng quản trị, ông Nguyễn Đức Phương - Tổng Giám đốc Công ty sẽ thôi điều hành từ ngày 03/7/2015. Ông Nguyễn Mạnh Cường được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc Công ty theo Quyết định số 0372/2015/QĐBN-HĐQT ngày ngày 03/7/2015 của Hội đồng quản trị.

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày 30/6/2015 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015.

26. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Hội đồng quản trị	
Thù lao Hội đồng quản trị	36.000.000
Ban giám đốc	
Lương	53.164.500

27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo Chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận là do kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 Công ty kinh doanh thương mại không có lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý rõ ràng.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.18.

	Giá trị ghi sổ 30/6/2015 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền	7.526.122.760	947.269.417
Phải thu của khách hàng	30.988.811.886	34.354.806.179
Các khoản phải thu khác	121.456.160.000	100.056.160.000
Cộng	**159.971.094.646**	**135.358.235.596**
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	26.314.030.558	28.390.432.614
Chi phí phải trả	1.238.011.769	882.569.096
Vay và nợ thuê tài chính	4.095.050.000	4.097.250.000
Cộng	**31.647.092.327**	**33.370.251.710**

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

- **Rủi ro thị trường**

- *Rủi ro tiền tệ*

Công ty không chịu rủi ro tiền tệ vì các giao dịch phát sinh chủ yếu bằng Đồng Việt Nam.

- *Rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất vì các khoản vay và nợ thuê tài chính của Công ty đã quá hạn thanh toán và Công ty đang trong quá trình đàm phán với các Ngân hàng để thanh toán các khoản vay và lãi suất.

- **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên Bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng lớn có uy tín tại Việt Nam.

Phải thu khách hàng: Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

- **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập Bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Đến 01 năm VND	Trên 01 năm VND
Tại 30/6/2015		
Phải trả người bán	26.314.030.558	-
Chi phí phải trả	1.238.011.769	-
Vay và nợ thuê tài chính	4.095.050.000	-
Cộng	**31.647.092.327**	**-**
Tại 01/01/2015		
Phải trả người bán	28.390.432.614	-
Chi phí phải trả	882.569.096	-
Vay và nợ thuê tài chính	4.097.250.000	-
Cộng	**33.370.251.710**	**-**

- **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09a - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2015 được lấy từ báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán, số liệu so sánh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 được lấy từ báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 đã được soát xét do Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K thực hiện.

Số liệu so sánh được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của kỳ kế toán hiện hành do Công ty áp dụng của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, cụ thể:

Đơn vị tính: VND

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Tại 01/01/2015 (trình bày lại)	Tại 31/12/2014 (báo cáo kiểm toán)	Chênh lệch
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	34.354.806.179	-	34.354.806.179
Phải thu khách hàng	131	-	34.354.806.179	(34.354.806.179)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	343.536.966	-	343.536.966
Trả trước cho người bán	132	-	343.536.966	(343.536.966)
Phải thu dài hạn khác	216	100.056.160.000	100.000.000.000	56.160.000
Tài sản dài hạn khác	268	-	56.160.000	(56.160.000)
Phải trả người bán ngắn hạn	311	28.390.432.614	-	28.390.432.614
Phải trả người bán	312	-	28.390.432.614	(28.390.432.614)
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	882.569.096	-	882.569.096
Chi phí phải trả	316	-	882.569.096	(882.569.096)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.097.250.000	-	4.097.250.000
Vay và nợ ngắn hạn	311	-	4.097.250.000	(4.097.250.000)
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*	*150.000.000.000*	-	*150.000.000.000*
Quỹ đầu tư phát triển	418	241.524.618	161.016.412	80.508.206
Quỹ dự phòng tài chính	418	-	80.508.206	(80.508.206)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*	*1.137.708.607*	-	*1.137.708.607*
LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*	*6.517.977.831*	-	*6.517.977.831*

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Bảo Trung	Nguyễn Nghĩa Trung	Nguyễn Mạnh Cường

CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN QUANG ANH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TCKT-KSQ
V/v: giải trình ý kiến ngoại trừ của KTV

Kính gửi: - Uỷ Ban Chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Khoáng sản Quang Anh
2. Mã Chứng khoán: KSQ
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, Ngã Tư Sở, Đống Đa, HN
4. Điện thoại: 043.564.3689 Fax: 043.564.3690
5. Email: ksq.jsc@gmail.com Website: Ksq.com.vn

- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006;*
- *Căn cứ Thông tư số 52//2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;*
- *Căn cứ vào ý kiến kiểm toán viên trong Báo cáo tài chính 6 tháng đã được soát xét.*

I. Nội dung cần giải trình:

Ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán viên tại Báo cáo soát xét từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty.

II. Phần giải trình của Công ty:

1. Tổng quát chung:

Cuối năm 2011, để đáp ứng nhu cầu thị trường về các sản phẩm Quặng, Công ty CP Khoáng sản Quang Anh có đầu tư 02 dây chuyền sản xuất và các thiết bị máy móc đi kèm phục vụ sản xuất, cụ thể:

- Xưởng Khun Há: địa chỉ tại huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu
- Xưởng Tuyên Quang: địa chỉ tại huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

Dây chuyền và các thiết bị máy móc phục vụ sản xuất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, bắt đầu từ Qúy 4/2011. Số dư tài khoản 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm 31/12/2014 là 7.919.509.442 đồng. Kiểm toán viên đưa ra ý kiến về chuẩn mực kế toán số 02 – Hàng tồn kho thì trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, khoản mục hàng tồn kho và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ giảm

đi 7.919.509.442 VND và trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, khoản mục chi phí khá và lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ bị ảnh hưởng tương ứng.

Công ty chúng tôi tôn trọng ý kiến của Kiểm toán Việt Anh là khách quan, phù hợp với chế độ kiểm toán hiện hành.

2. Giải trình của công ty:

Chúng tôi cũng xin được giải trình về nội dung trên, cụ thể như sau:

Kể từ ngày đi vào hoạt động (quý 4 năm 2011), 02 dây chuyền sản xuất đều hoạt động đúng công suất, đảm bảo mức tăng trưởng doanh thu của Công ty cũng như chi phí được phản ánh một cách hợp lý. Nhưng sang Qúy 4 năm 2013 và cả năm 2014, do khủng hoảng kinh tế, thị trường kinh doanh khoáng sản bị ảnh hưởng, giá bán liên tục giảm. Thêm vào đó, chính sách của Chính phủ yêu cầu tạm dừng khai thác, chế biến khoáng sản tại một số mỏ có vị trí quan trọng để phục vụ mục tiêu dân sinh và quốc phòng.

Cũng tại thời điểm đó, Công ty đã thu mua với số lượng lớn quặng nguyên khai và quặng bán thành phẩm (hàm lượng thấp) để phục vụ sản xuất, trị giá vốn đạt trên 20 tỷ VND. Việc thị trường kinh doanh trầm lắng, cùng với chính sách của nhà nước, Ban lãnh đạo Công ty CP Khoáng sản Quang Anh đã quyết định giảm công suất sản xuất kết hợp với nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị cho đến khi nhà nước cho phép các mỏ hoạt động trở lại thì sẽ tiến hành sản xuất liên tục để đuổi kịp tiến độ theo công suất dây chuyền.

Sự việc trên dẫn đến chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ trên tài khoản 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang lớn, toàn bộ chi phí này sẽ được phân bổ vào giá thành của vật tư quặng nguyên khai và quặng bán thành phẩm sau khi hoàn thành sản xuất. (Theo kế hoạch, toàn bộ số lượng quặng thành phẩm sau khi nhập kho sẽ được bán hết trong quý 4 năm 2015).

Trên đây là giải trình về ý kiến kiểm toán của Công ty Cổ phần Khoáng Sản Quang Anh. Chúng tôi cam kết về các nội dung trong bản giải trình là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố.

Xin trân trọng báo cáo!

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu P. TCHC, P.TCKT

Nguyễn Mạnh Cường